

PHẦN 1 (đáp án ghi ở trang cuối của phần 1)

Câu hỏi ôn tập phần vĩ mô I

Mô hình AD-AS

Câu 1: Trong mô hình AD-AS, đường tổng cầu phản ánh mối quan hệ giữa:

- a. Tổng chi tiêu thực tế với GDP thực tế
- b. Thu nhập thực tế và GDP thực tế
- c. Mức giá chung và tổng lượng cầu
- d. Mức giá chung và GDP danh nghĩa

Câu 2: Biến nào sau đây có thể làm thay đổi mà không gây ra sự dịch chuyển của tổng cầu

- a. Lãi suất
- b. Mức giá
- c. Thuế suất
- d. Kỳ vọng về lạm phát
- e. Cung tiền

Câu 3: chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt sẽ làm cho

- a. Đường tổng cầu dịch chuyển phải
- b. Đường tổng cung dịch chuyển phải
- c. Đường tổng cầu dịch chuyển trái
- d. Đường tổng cung dịch chuyển trái

Câu 4: Đường AS có áp lực dịch chuyển sang trái nếu

- a. Năng suất lao động tăng
- b. Sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng tiềm năng
- c. Giá cả các yếu tố đầu vào giảm
- d. Sản lượng thực tế cao hơn sản lượng tiềm năng
- e. Không phải các câu trên

Câu 5: Giả sử ban đầu một nền kinh tế nhập khẩu dầu mỏ đang ở trạng thái toàn dụng nhân công. Sau đó giá dầu trên thế giới tăng mạnh. NHTW đã đối phó bằng cách tăng cung tiền. So với trạng thái ban đầu, trong dài hạn:

- a. Thất nghiệp sẽ tăng và lạm phát sẽ giảm
- b. Thất nghiệp sẽ giảm và lạm phát sẽ tăng
- c. Thất nghiệp và lạm phát sẽ không thay đổi
- d. Thất nghiệp sẽ không thay đổi, nhưng lạm phát sẽ tăng
- e. Không phải các câu trên

Câu 6: Nếu các nhà hoạch định chính sách muốn đưa giá cả trở lại mức ban đầu sau một cú sốc cung bất lợi, họ cần phải:

- a. Thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt
- b. Giảm thuế
- c. Tăng chi tiêu chính phủ
- d. Kết hợp tăng thuế và tăng chi tiêu chính phủ cùng một lượng
- e. A và D đúng

Câu 7: Trong mô hình AD-AS với đường AS có độ dốc dương, sự kết hợp giữa giảm thuế và tăng cung tiền sẽ:

- a. ít ảnh hưởng đến tổng cầu nhưng làm giảm lãi suất
- b. ít ảnh hưởng đến tổng cầu nhưng làm tăng lãi suất
- c. làm giảm tổng cầu, sản lượng và mức giá
- d. làm tăng lãi suất, tổng cầu, sản lượng và mức giá
- e. làm tăng sản lượng và mức giá, nhưng chúng ta không chắc chắn điều gì xảy ra với lãi suất

Câu 8. Khi nền kinh tế bước vào thời kỳ suy thoái do cú sốc cầu, chúng ta có thể dự tính:

- a. lạm phát sẽ giảm, trong khi sản lượng sẽ tăng
- b. cả lạm phát và sản lượng sẽ tăng
- c. lạm phát sẽ giảm, trong khi thất nghiệp sẽ tăng
- d. Lạm phát sẽ tăng trong khi thất nghiệp sẽ giảm
- e. không phải các câu trên

* Câu 9: Trong dài hạn, giả sử mức sản lượng tiềm năng không thay đổi. Nếu cung tiền tăng 10% thì

- a. không ảnh hưởng gì đến mức giá
- b. lãi suất thực tế tăng
- c. tiền lương danh nghĩa tăng 10%
- d. cung tiền thực tế tăng 10%
- e. C và D đúng

* Câu 10: Giả sử nền kinh tế đạt mức toàn dụng nhân công và đường tổng cung là thẳng đứng, việc tăng chi tiêu chính phủ sẽ:

- a. làm thay đổi cơ cấu sản lượng vì lãi suất cao hơn
- b. làm thay đổi cơ cấu sản lượng vì cung tiền thực tế tăng
- c. không có ảnh hưởng gì đến cung tiền thực tế và cơ cấu sản lượng
- d. không ảnh hưởng gì đến lãi suất và cơ cấu sản lượng

Câu 11: Giả sử nền kinh tế đạt mức toàn dụng nhân công và đường tổng cung là thẳng đứng, việc tăng cung tiền danh nghĩa sẽ:

- a. làm cơ cấu sản lượng thay đổi vì cung tiền thực tế tăng
- b. làm tăng sản lượng thực tế
- c. không có ảnh hưởng gì đến cung tiền thực tế và cơ cấu sản lượng
- d. làm giảm lãi suất và thay đổi cơ cấu sản lượng

Câu 12: Giả sử nền kinh tế đang ở mức toàn dụng nhân công, mức giá chung tăng là do (1) cầu xuất khẩu tăng, (2) tiêu dùng cá nhân tăng, (3) năng suất lao động giảm

- a. cả (1), (2), (3) đều đúng
- b. chỉ có (1) và (2) đúng
- c. chỉ có (2) và (3) đúng
- d. chỉ có (1) là đúng

Câu 13: Giả sử nền kinh tế đang ở mức toàn dụng nhân công, với đường tổng cung ngắn hạn có độ dốc dương, sự dịch chuyển sang phải của đường tổng cầu sẽ làm tăng:

- a. sản lượng và giá cả
- b. tỷ lệ thất nghiệp và sản lượng
- c. tỷ lệ thất nghiệp và mức giá
- e. B và C

Câu 14: Giả sử đường tổng cung có độ dốc dương, tăng chi tiêu chính phủ sẽ làm:

- a. Tăng sản lượng và mức giá
- b. Tăng cầu tiền thực tế và thay đổi cơ cấu sản lượng
- c. không ảnh hưởng đến cung tiền thực tế cũng như thành phần của sản lượng
- d. không ảnh hưởng đến lãi suất thực tế cũng như thành phần của sản lượng
- e. a và b đúng.

II Tổng cầu và chính sách tài khóa

* Câu 1: Nếu kỳ vọng của các hộ gia đình tăng, trong khi các yếu tố khác không thay đổi thì:

- a. chi tiêu cho tiêu dùng sẽ giảm

b. chi tiêu cho tiêu dùng không thay đổi cho tới khi sự tăng lên của thu nhập, thực sự xảy ra

c. chi tiêu cho tiêu dùng tăng

d. chính phủ sẽ tăng thuế

e. tiết kiệm sẽ giảm

Câu 2: Xu hướng tiêu dùng cận biên được tính bằng

a. tổng tiêu dùng chia cho tổng tiết kiệm

b. tổng tiêu dùng chia cho tổng thu nhập khả dụng

c. sự thay đổi của tiêu dùng chia cho sự thay đổi của thu nhập khả dụng

d. sự thay đổi của tiêu dùng chia cho sự thay đổi của tiết kiệm

e. sự thay đổi của tiêu dùng chia cho tiết kiệm

Câu 3: Yếu tố nào sau đây làm cho các hộ gia đình tăng tiết kiệm

a. thu nhập khả dụng hiện tại giảm

b. thu nhập kỳ vọng trong tương lai tăng

c. thuế ròng tăng

d. thu nhập kỳ vọng trong tương lai giảm

e. không phải các nhân tố trên

Câu 4: Yếu tố nào sau đây có thể làm dịch chuyển đường tiêu dùng xuống dưới

a. kỳ vọng vào thu nhập trong tương lai tăng

b. kỳ vọng vào thu nhập trong tương lai giảm

c. thu nhập thực tế giảm

d. tài sản giảm

e. b và d

Câu 5: độ dốc của đường tiêu dùng bằng (độ dốc của đường tiết kiệm chọn e)

a. MPC b. MPM c. 1- MPC d. MPS e. c và d

Câu 6: Khi hàm tiêu dùng nằm dưới đường 45 độ, các hộ gia đình

a. chi tiêu tất cả lượng thu nhập tăng thêm

b. tiêu dùng nhiều hơn thu nhập khả dụng của họ

c. sẽ tiết kiệm một phần thu nhập khả dụng

d. tiết kiệm tất cả phần thu nhập tăng thêm

e. tổng tiết kiệm giảm

Câu 7: biến nào sau đây là yếu tố quyết định của đầu tư

a. thu nhập khả dụng

b. thu nhập quốc dân

c. lợi nhuận kỳ vọng trong tương lai

d. thu nhập kỳ vọng trong tương lai của các hộ gia đình

e. thu nhập của người nước ngoài

Câu 8: Trong nền kinh tế giản đơn khi hàm tiết kiệm nằm trên hàm đầu tư chúng ta có thể khẳng định rằng:

a. tiết kiệm dự kiến nhỏ hơn đầu tư dự kiến và sản lượng sẽ giảm

b. tiết kiệm dự kiến lớn hơn đầu tư dự kiến và sản lượng sẽ giảm

c. tiết kiệm dự kiến nhỏ hơn đầu tư dự kiến và sản lượng sẽ tăng

d. tiết kiệm dự kiến lớn hơn đầu tư dự kiến và sản lượng sẽ tăng

Câu 9: Số nhân đầu tư được sử dụng để tính:

a. sự thay đổi đầu tư gây ra từ sự thay đổi một đơn vị thu nhập

b. sự thay đổi thu nhập gây ra do sự thay đổi một đơn vị đầu tư

c. Sự thay đổi đầu tư gây ra từ sự thay đổi một đơn vị tiêu dùng

d. sự thay đổi thu nhập gây ra từ sự thay đổi một đơn vị tiết kiệm

c. tất cả các câu trên đều đúng

Câu 10: Trong một nền kinh tế giản đơn, đầu tư tăng 10 sẽ làm cho sản lượng tăng 50, nếu

a. $MPS = 1/5$

b. $MPC = 1/5$

c. tỷ lệ thu nhập so với đầu tư là $4/5$

d. nếu sự thay đổi tiêu dùng chia cho sự thay đổi thu nhập bằng $5/4$

e. không phải các câu trên

✗ **Câu 11:** Giả sử thuế là tự định. Nếu hàm tiêu dùng là $C = 400 + (3/4).YD$, ảnh hưởng của tăng trợ cấp chính phủ 200 đến mức sản lượng cân bằng là bao nhiêu?

a. thu nhập sẽ tăng 600

b. thu nhập sẽ tăng 800

c. thu nhập sẽ tăng 200

d. thu nhập sẽ tăng 150

e. thu nhập sẽ tăng 350

✗ **Câu 12:** Giảm chi tiêu chính phủ sẽ không nhất thiết làm giảm thu nhập quốc dân nếu có sự gia tăng của

a. đầu tư

b. xuất khẩu

c. thuế

d. tất cả các câu trên

e. a và b

Câu 13: Giả sử thuế là tự định và xu hướng tiêu dùng cận biên của các hộ gia đình là 0,8. nếu chính phủ muốn tăng chi tiêu 10 tỉ đồng mà không làm thay đổi tổng cầu, thì số thu về thuế cần thiết phải tăng một lượng là:

a. nhỏ hơn 10 tỉ đồng

b. 10 tỉ đồng

c. 12,5 tỉ đồng

d. bằng không

III. Tiền tệ:

✗ **Câu 1:** Nhân tố nào sau đây không gây ảnh hưởng đến lượng tiền cơ sở
a. một NHTM chuyển số trái phiếu chính phủ mà họ đang giữ vào tài khoản tiền gửi của họ tại NHTW

b. một NHTM chuyển số tiền mặt nằm trong két của họ vào tài khoản tiền gửi tại NHTW*

c. NHTW mua trái phiếu chính phủ của một NHTM

d. NHTW mua trái phiếu chính phủ từ công chúng chứ không phải từ NHTM

e. NHTW bán trái phiếu chính phủ cho một NHTM

Câu 2: Một NHTW mua 1 triệu đồng trái phiếu chính phủ. Với những điều khác không đổi, tổng dự trữ của các NHTM không tăng nếu chỉ tiêu nào dưới đây tăng thêm 1 triệu

a. dự trữ vàng của NHTW

b. tiền mà các ngân hàng tư nhân vay

c. dự trữ dự thừa

d. tiền mặt trong tay công chúng ngoài ngân hàng

Câu 3: Một vấn đề mà NHTW phải đối phó khi thực hiện chính sách tiền tệ là:

a. nó có thể kiểm soát được khối lượng tiền mặt, nhưng không thể luôn dự đoán chính xác số nhân tiền

b. nó có thể kiểm soát được số nhân tiền, nhưng không thể dự đoán chính xác khối lượng tiền mạnh

c. nó chỉ có thể kiểm soát được khối lượng mạnh một cách gián tiếp thông qua ảnh hưởng đến dự trữ ngân hàng

d. tất cả các câu trên

e. không phải các câu trên

Câu 4: Sự kiện nào sau đây mô tả đúng nhất kết quả của hoạt động thị trường mở nhằm thu hẹp tổng cầu

a. NHTW bán trái phiếu chính phủ, làm giảm dự trữ của các NHTM, làm giảm khả năng cho vay, và làm giảm lượng cung tiền

b. NHTW bán trái phiếu chính phủ, làm giảm dự trữ của các NHTM, làm giảm khả năng cho vay, và làm tăng lượng cung tiền

c. NHTW bán trái phiếu chính phủ, làm giảm dự trữ của các NHTM, làm tăng khả năng cho vay, và làm tăng lượng cung tiền

d. NHTW bán trái phiếu chính phủ, làm giảm dự trữ của các NHTM, làm tăng khả năng cho vay, và làm giảm lượng cung tiền

e. NHTW mua trái phiếu chính phủ, làm tăng dự trữ của các NHTM, làm tăng khả năng cho vay, và làm tăng lượng cung tiền

Câu 5: Khi chính phủ tăng chi tiêu và giảm cung tiền chúng ta có thể dự tính

a. tổng cầu tăng nhưng lãi suất không thay đổi

b. tổng cầu và lãi suất đều tăng

c. lãi suất tăng, nhưng tổng cầu có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi

d. cả lãi suất và tổng cầu đều giảm

e. tổng cầu sẽ tăng và tổng cung sẽ giảm

Câu 6: Khi chính phủ tăng thuế và giảm cung tiền chúng ta có thể dự tính

a. Tổng cầu tăng nhưng lãi suất không thay đổi

b. tổng cầu và lãi suất đều tăng

c. lãi suất giảm, nhưng tổng cầu có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi

d. cả lãi suất và tổng cầu đều giảm

e. tổng cầu giảm, nhưng lãi suất có thể tăng, giảm hoặc không đổi

Câu 7: Gia sử chính phủ muốn kích thích đầu tư nhưng hầu như không làm thay đổi thu nhập. Theo bạn chính phủ cần sử dụng chính sách nào?

a. giảm thuế thu nhập đi kèm với chính sách tiền tệ mở rộng

b. trợ cấp đi kèm với chính sách tiền tệ mở rộng

c. giảm chi tiêu chính phủ kèm với chính sách tiền tệ mở rộng

d. giảm thuế đi kèm với chính sách tiền tệ thắt chặt

e. trợ cấp đầu tư

Câu 8: Gia sử đầu tư hoàn toàn không nhạy cảm với lãi suất. Khi đó:

a. chính sách tài khóa sẽ không hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu

b. lãi suất không thể giảm bởi chính sách tài khóa hoặc chính sách tiền tệ

c. chính sách tài khóa sẽ rất hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu

d. nền kinh tế không thể được kích thích bằng chính sách tài khóa hoặc tiền tệ

e. không phải các câu trên

Câu 9: chính sách tiền tệ có hiệu quả hơn khi

a. lãi suất nhạy cảm hơn với đầu tư

b. cầu tiền ít nhạy cảm với sự thay đổi của lãi suất

c. MPC lớn

d. tất cả các câu trên

c. không phải các câu trên

X **Câu 10:** Chính sách tiền tệ kém hiệu quả hơn trong việc điều tiết tổng cầu khi độ nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất:

- a. lớn và đầu tư ít nhạy cảm với lãi suất
- b. lớn và đầu tư rất nhạy cảm với lãi suất
- c. nhỏ và đầu tư ít nhạy cảm với lãi suất
- d. nhỏ và đầu tư rất nhạy cảm với lãi suất

Câu 11: Giả sử nền kinh tế có cầu tiền thực tế rất nhạy cảm với lãi suất, và cầu đầu tư cũng rất nhạy cảm với lãi suất. Trong nền kinh tế đó:

- a. chính sách tài khóa không hiệu quả vì nó gây ra lẩn át đầu tư lớn
- b. thay đổi lãi suất chỉ gây ra sự thay đổi rất nhỏ của cầu đầu tư
- c. tăng chi tiêu chính phủ sẽ ảnh hưởng mạnh đến lãi suất
- d. tăng chi tiêu chính phủ sẽ làm lãi suất thay đổi ít, nhưng gây ra thoái lui đầu tư lớn

Câu 12: tổng cầu có thể tăng do tăng cung tiền hoặc tăng chi tiêu chính phủ. Điều nào sau đây sẽ là một sự so sánh đúng hai chính sách trên

- a. lãi suất sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khóa trong khi tiêu dùng sẽ tăng lên trong cả hai trường hợp
- b. lãi suất sẽ giảm khi sử dụng chính sách tiền tệ và tăng khi sử dụng chính sách tài khóa trong khi tiêu dùng sẽ tăng lên trong cả hai trường hợp
- c. tiêu dùng sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khóa, trong khi lãi suất sẽ tăng lên trong cả hai trường hợp
- d. tiêu dùng sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khóa, trong khi lãi suất sẽ giảm trong cả hai trường hợp
- e. tiêu dùng sẽ giảm, trong khi lãi suất sẽ tăng trong cả hai trường hợp

Câu 13: Giả sử nhiều cá nhân và doanh nghiệp quyết định chuyển từ thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng sang thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt nhằm mục đích trốn thuế.

Khi đó số nhân:

- a. và khối lượng tiền cơ sở sẽ tăng
- b. và khối lượng tiền cơ sở sẽ không đổi
- c. và khối lượng tiền cơ sở sẽ giảm
- d. sẽ giảm, trong khi khối lượng tiền cơ sở không thay đổi
- e. không thay đổi, nhưng khối lượng tiền cơ sở sẽ tăng

Câu 14: Nếu mọi người quyết định chuyển một phần tiền mặt vào tài khoản tiền gửi có thể viết séc thì quyết định đó làm:

- a. lượng cung tiền giảm xuống do tiền mặt ngoài lưu thông ít hơn
- b. tỷ lệ lạm phát giảm
- c. lãi suất thực tế tăng lên
- d. lượng cung tiền tăng lên do khối lượng tiền mạnh tăng
- e. lượng cung tiền tăng lên do số nhân tiền tăng

Câu 15: Nếu hàm đầu tư có dạng: $I = c - d.r$ và hàm cầu tiền thực tế có dạng:

$MD = x.Y - b.r$ thì chính sách tiền tệ tương đối hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu khi d

- a. lớn và b nhỏ
- b. nhỏ và b cũng nhỏ
- c. nhỏ và b lớn
- d. lớn và b cũng lớn

Câu 16: Bảng 1:

Thu nhập(Y)	360	370	380	390	400	410	420
Tiêu dùng (C)	334	343	352	361	370	379	388

Từ bảng 1 Phương trình nào dưới đây biểu diễn đúng nhất hàm tiêu dùng

$C = 10 + 0,9Y$

d. $C = 38 + 0,9Y$

$C = 20 + 0,8Y$

e. $C = 45 + 0,9Y$

$C = 20 + 0,7Y$

Câu 17: Xét nền kinh tế giản đơn trong bảng 1. Nếu đầu tư là 30 tỷ, mức cân bằng của thu nhập sẽ là:

- a. 370 b. 390 c. 400 e. 420

Câu 18: MPS và MPC trong bảng 1 lần lượt là:

- a. 0,5; 0,5 b. 0,9; 0,1 c. 0,2; 0,8 d. 0,1; 0,9 e. Không phải các kết quả trên

Câu 19: Xét dữ liệu trong bảng 1. Nếu hiện tại sản lượng là 420 thì

- a. hàng tồn kho không dự kiến của các doanh nghiệp sẽ giảm
b. mức sản lượng sẽ có xu hướng giảm trong tương lai
c. tổng chi tiêu theo kế hoạch sẽ lớn hơn tổng sản lượng
d. tổng sản lượng sẽ lớn hơn tổng thu nhập

Câu 20: Xét dữ liệu trong bảng 1. Nếu các doanh nghiệp tăng đầu tư thêm 40 thì sản lượng cân bằng sẽ tăng thêm

- a. 100 b. 200 c. 400 d. 500 e. Không phải các kết quả trên

21. Khoản tiền 300 triệu đô la do TCT Hàng không Việt Nam chi để mua máy bay Boeing sản xuất tại Mỹ được tính vào GDP của Việt Nam theo cách tiếp cận chi tiêu như thế nào?

- a. Đầu tư tăng 300 triệu đô la c. Xuất khẩu ròng giảm 300 triệu đô la
b. Tiêu dùng tăng 300 triệu đô la d. câu a và c đúng.

22. Gia sử một người nông dân trồng lúa mì và bán cho một người sản xuất bánh mì với giá 6 triệu đồng, người sản xuất bánh mì làm bánh mì và bán cho cửa hàng với giá 10 triệu đồng, cửa hàng bán cho người tiêu dùng với giá 12 triệu đồng. Đóng góp của hàng vào GDP là:

- a. 1 triệu b. 2 triệu c. 6 triệu d. 12 triệu

23. Hôm qua bạn vừa bán một chiếc máy tính với giá 2 triệu đồng mà cách đây 2 năm bạn đã mua với giá 8 triệu đồng. Để bán được chiếc máy tính này bạn phải trả cho nhà môi giới 50 nghìn đồng. Giao dịch này làm GDP của Việt Nam năm 2007;

- a. Tăng 2 triệu đồng c. Tăng 8 triệu đồng e. Không bị ảnh hưởng
b. Giảm 6 triệu đồng d. Tăng 50 nghìn đồng

24. Mô hình dòng chu chuyển được sử dụng để:

- a. Chỉ ra GDP danh nghĩa được phân biệt với GDP thực tế như thế nào.
b. Giải thích giá cả của các nhân tố sản xuất được xác định như thế nào
c. Chỉ ra ảnh hưởng của lạm phát trong nền kinh tế giản đơn.
d. Chỉ ra các dòng vật chất và các dòng tiền tệ chu chuyển giữa các khu vực khác nhau của nền kinh tế.

e. Chỉ ra lượng hàng dự trữ của các khu vực khác nhau trong nền kinh tế.

25. Trong mô hình dòng chu chuyển của một nền kinh tế không có khu vực chính phủ và không có thương mại quốc tế. Các hộ gia đình:

- a. Nhận được thu nhập từ những người mua trên thị trường sản phẩm cuối cùng.
b. Nhận được thu nhập từ việc bán các nguồn lực trên thị trường sản phẩm cuối cùng.
c. Trả cho các hãng kinh doanh khi sử dụng các nguồn lực của họ.
d. Nhận được thu nhập từ các nhà sản xuất khi bán các nhân tố sản xuất.
e. Trả thu nhập cho các nhà sản xuất để được sử dụng tiến tiết kiệm của họ.

26 Hàng hóa trung gian có thể được định nghĩa là hàng hóa mà chúng:

- a. Được bán cho người sử dụng cuối cùng

b. Được sử dụng trong quá trình sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ khác

c. Được tính trực tiếp vào GDP

d. Luôn bằng với khối lượng tư bản hiện có trong nền kinh tế

e. Được mua trong năm nay, nhưng được sử dụng trong những năm sau đó

Y 27 Khoản mục nào sau đây được coi là một khoản đầu tư trong hệ thống tài khoản thu nhập quốc dân

a. Một người thợ gốm mua một chiếc xe tải mới để trở hàng và đi dự các buổi trưng bày nghệ thuật vào cuối tuần.

b. Mua 100 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

c. Mua một ngôi nhà cổ nằm trong khi đi tích lịch sử

d. Mua một trái phiếu chính phủ

e. Tất cả các câu trên đều đúng

Y 28 Giả sử năm 2003 là năm cơ sở và trong thời gian qua tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam đều mang giá trị dương. Khi đó:

a. GDP thực tế luôn lớn hơn GDP danh nghĩa

b. GDP danh nghĩa luôn lớn hơn GDP thực tế

c. GDP thực tế nhỏ hơn GDP danh nghĩa trước năm 2003 và điều nay ngược lại sau năm 2003

d. GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa trước năm 2003 và điều nay ngược lại sau năm 2003.

e. Không phải các câu trên

29 Nếu bạn qua sát sự biến động của GDP thực tế và GDP danh nghĩa bạn nhận thấy rằng trước năm 2003, GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa, nhưng sau năm 2003, GDP thực tế lại nhỏ hơn GDP danh nghĩa tại sao lại vậy?

a. Lạm phát đã tăng từ năm 2003

b. Lạm phát đã giảm từ năm 2003

c. Năm 2003 là năm cơ sở

d. Năng suất lao động tăng mạnh sau năm 2003

e. Không phải các câu trên

30 Giả sử chính phủ trợ cấp cho các hộ gia đình một khoản tiền là 100 triệu đồng, sau đó các hộ gia đình dùng khoản tiền này mua thuốc y tế. Khi hạch toán theo luồng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng (cách tiếp cận chi tiêu) khoản chi tiêu trên sẽ được tính vào GDP

a. Chi tiêu mua hàng hóa và dịch vụ của chính phủ

b. Trợ cấp của chính phủ cho các hộ gia đình

c. Tiêu dùng của các hộ gia đình

d. Đầu tư của chính phủ

e. Không phải các câu trên

31. Nếu GDP danh nghĩa là 2000 tỷ đồng năm 1 và 2150 năm 2 và giá cả năm 2 cao hơn năm 1. Khi đó:

a. GDP thực tế năm 1 lớn hơn năm 2

b. GDP thực tế năm 2 lớn hơn năm 1

c. NNP thực tế năm 1 lớn hơn năm 2

d. GNP thực tế năm 1 lớn hơn năm 2

e. Chúng ta chưa đủ thông tin để đưa ra kết luận chính xác khi so sánh GDP, NNP hoặc GNP thực tế giữa hai năm này.

Y 32. Sự chênh lệch giữa tổng đầu tư và đầu tư ròng

a. Giống như sự khác nhau giữa GNP và thu nhập khả dụng

b. Giống như chênh lệch giữa xuất khẩu và xuất khẩu ròng

- c. Giống như khác nhau giữa GNP và NNP
- d. Không phải các câu trên

33. Nếu GDP lớn hơn GNP của Việt Nam thì

- a. Người nước ngoài đang sản xuất ở Việt Nam nhiều hơn so với người Việt Nam đang sản xuất ở nước ngoài
- b. Người Việt Nam đang sản xuất ở nước ngoài nhiều hơn so với người nước ngoài đang sản xuất ở Việt Nam
- c. GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa
- d. GNP thực tế lớn hơn GNP danh nghĩa

34. Khoản mục nào sau đây không được tính trong GDP của Việt Nam

- a. Một chiếc xe hơi được sản xuất bởi Honda Vĩnh Phúc
- b. Bài giảng của các giáo viên trường Kinh tế Ngoại thương
- c. Một chuyến bay của Việt Nam Airline
- d. Giao trình kinh tế vĩ mô được các học sinh ngoại thương mua
- e. Học bổng của các sinh viên kinh tế Ngoại Thương mua

35. Trong khoảng thời gian giữa năm 2002 và 2006, GDP thực tế của Việt Nam tăng chậm hơn GDP danh nghĩa. Điều này cho thấy

- a. Mức sống của người dân Việt Nam trong năm 2006 thấp so với năm 2002
- b. Người dân Việt Nam phải trả phần lớn thu nhập dưới dạng thuế thu nhập
- c. Mức giá chung đã tăng trong thời kỳ này
- d. Dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong GDP danh nghĩa
- e. Nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu

36. Giả sử nếu giá trị GDP danh nghĩa trong năm 1998 cao hơn so với năm 2001, và chỉ số giá trong năm 2001 cao hơn so với năm 1998 thì

- a. GDP thực tế của năm 2001 phải cao hơn so với năm 1998
- b. GDP thực tế của năm 2001 phải thấp hơn so với năm 1998
- c. Chúng ta không thể kết luận GDP thực tế tăng hay giảm trong giai đoạn này
- d. Người tiêu dùng rõ ràng có mức sống cao hơn trong năm 2001 so với trong năm 1998
- e. Lạm phát phải lớn hơn trong giai đoạn này

37. Nếu giá cả và sản lượng trong năm 2 đều cao hơn trong năm 1 thì điều nào sau đây là đúng

- a. GDP thực tế của năm 2 thấp hơn năm thứ 1
- b. GDP danh nghĩa của năm 2 thấp hơn năm thứ 1
- c. GDP danh nghĩa năm 2 thấp hơn năm 1, nhưng GDP thực tế năm 2 lại thấp hơn năm 1
- d. Cả GDP thực tế và GDP danh nghĩa của năm 2 đều cao hơn so với năm 1

38. Hoạt động nào sau đây có thể làm tăng GDP của Việt Nam theo cách tiếp cận thu nhập

- a. Một người sửa chữa chiếc tủ lạnh của mình
- b. Một gia đình bán ngôi nhà của mình
- c. Người chồng sửa xe máy cho vợ mình
- d. Người mẹ đưa con đến nhà trẻ chứ không để ở nhà cho bà trông nũa
- e. Không phải các câu trên

39. Nếu GDP danh nghĩa tăng từ 4000 tỷ đồng trong năm cơ sở lên 4600 tỷ đồng trong năm tiếp theo và GDP thực tế không đổi. Điều nào sau đây sẽ đúng

- a. Chỉ số điều chỉnh GDP tăng từ 100 lên 110
- b. Giá cả tăng trung bình 10%
- c. Giá cả tăng trung bình 15%
- d. Giá cả không đổi
- e. Chỉ số điều chỉnh GDP tăng từ 100 lên 120

40. Nếu chỉ số giá tiêu dùng CPI trong năm 2004 là 119 (năm 2000 là năm cơ sở), thì chi phí sinh hoạt của năm 2004 đã tăng thêm

- a. 119% so với năm 2003 c. 119% so với năm 2000 e. 1,19% so với năm 2009
b. 19% so với năm 2003 d. 19% so với năm 2000

41. Nếu một giỏ hàng hóa thị trường trị giá 200 nghìn đồng trong năm cơ sở và 450 nghìn đồng trong năm 2001 thì chỉ số giá của năm 2001 là

- a. 450 b. 225 c. 300 d. 250 e. 44,44

42. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tỉ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2006 là 6,6 điều đó có nghĩa là:

- a. Chỉ số điều chỉnh GDP của năm 2006 tăng 6,6% so với 2005
b. Chỉ số điều chỉnh GDP của năm 2006 tăng 6,6% so với năm gốc
c. Chỉ số giá tiêu dùng của năm 2006 tăng 6,6% so với 2005
d. Chỉ số giá tiêu dùng của năm 2006 tăng 6,6% so với năm gốc

43. CPI của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi sự gia tăng giá 5% của nhóm hàng tiêu dùng nào dưới đây

- a. Thiết bị và đồ dùng gia đình d. Lương thực
b. Thực phẩm e. Tất cả các nhóm hàng trên có cùng một tác động
c. Y tế giáo dục

44. Khi tính CPI với năm 1990 là năm gốc, chỉ số giá tiêu dùng 2005 là 322 có nghĩa là

- a. Giá hàng tiêu dùng đã tăng gấp 32,2 lần
b. Một mặt hàng trị giá 100 nghìn đồng trong năm 1990, bây giờ có giá 322 nghìn đồng
c. Giá hàng tiêu dùng gần tăng gấp đôi
d. Giỏ hàng tiêu dùng trị giá 322 nghìn đồng năm 1990 có thể được mua với giá 100 nghìn đồng vào năm 2005
e. Giỏ hàng tiêu dùng trị giá 100 nghìn đồng năm 1990 có thể được mua với giá 322 nghìn đồng vào năm 2005

45. Trong điều kiện không có "rò rỉ tiền mặt", các NHTM không có dự trữ dư thừa, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%, nếu một ngân hàng nhận được một khoản tiền gửi mới là 20 triệu đồng thì chúng ta có thể kết luận rằng

- a. Dự trữ của hệ thống NHTM sẽ tăng 20 triệu đồng
b. Hệ thống NHTM sẽ tạo thêm những khoản tiền gửi mới là 180 triệu đồng
c. Hệ thống NHTM sẽ tạo thêm những khoản tiền gửi mới là 200 triệu đồng
d. a và c e. a và b

46. Bảng 1

Tỷ lệ tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng	20%
Tỷ lệ dự trữ thực tế	10%
Cơ sở tiền tệ	1.000

Với số liệu ở bảng một, số nhân tiền là:

- a. 3 b. 4 c. 5 d. 80 e. Không phải các kết quả trên
47. Với số liệu ở bảng 1, muốn tăng cung tiền 2 tỉ đồng, ngân hàng trung ương cần
a. Mua 400 triệu đồng trái phiếu chính phủ c. Mua 500 triệu đồng trái phiếu chính phủ
b. Mua 2 tỉ đồng trái phiếu chính phủ d. Bán 500 triệu đồng trái phiếu chính phủ

48. Với số liệu ở bảng 1 và giả sử các NHTM luôn dự trữ đúng mức bắt buộc. Muốn giảm bớt cung tiền 1000 tỉ đồng, NHTW cần:

- a. Quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%
 b. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên 20%
 c. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên 40%
 d. Không phải các kết quả trên
49. Điều nào dưới đây làm tăng lãi suất: (1) tăng thu nhập; (2) tỉ lệ dự trữ bắt buộc giảm; (3) Cung tiền giảm
 a. Cả (1), (2), (3) đều đúng
 b. Chỉ có (2) và (3) đúng
 c. Chỉ có (1) và (3) đúng
 d. Chỉ có (3) đúng
50. Ngân hàng trung ương không thể
 a. Giữ cho cung tiền tệ không thay đổi
 b. Giữ cho lãi suất không thay đổi
 c. Đồng thời giữ cho cả lãi suất và cung tiền tệ không thay đổi
 d. Tất cả các nhận định trên đều đúng
51. Giả sử nhiều cá nhân và doanh nghiệp quyết định chuyển từ thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng sang thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt nhằm mục đích trốn thuế. Khi đó số nhân tiền:
 a. và khối lượng tiền cơ sở sẽ tăng
 b. và khối lượng tiền cơ sở sẽ không thay đổi
 c. và khối lượng tiền cơ sở sẽ giảm
 d. sẽ giảm, trong khi khối lượng tiền cơ sở không thay đổi
 e. không thay đổi, nhưng khối lượng tiền cơ sở sẽ tăng
52. NHTW mua một triệu đồng trái phiếu chính phủ. Với những điều kiện khác không đổi, tổng dự trữ của các NHTM sẽ không tăng nếu chỉ tiêu nào dưới đây tăng thêm 1 triệu.
 a. Dự trữ vàng của NHTW
 b. Tiền mà các ngân hàng tư nhân vay
 c. Dự trữ dư thừa
 d. Tiền mặt trong tay công chúng ngoài ngân hàng.

Đáp án phần 1:

1 c	11 c	1 c	11 a	1 b	15	20 c	45 c
2 b	12 a	2 c	12 d	2 d	16 a	21 e	46 b
3 c	13 a	3 b	13 c	3 a	17 e	22 e	47 c
4 d	14 e	4 e		4 a	18 d	23 a	48 b
5 d	15	5 e		5 c	19 b	24 e	49 c
6 a	16	6 c		6 e	20 c	25 a	50 d
7 e	17	7 c		7 c	21 d	26 b	51 c
8 c	18	8 b		8 b	22 e	27 d	52
9 c	19	9 a		9 d	23 d	28 d	53
10 a	20	10 a		10 b	24 d	29 b	54
				11 d	25 b	30 c	
				12 b	26 b	31 c	
				13 d	27 a	32 d	
				14 c	28 e	33 a	
					29 c	34 e	

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. Đường thể hiện sự phối hợp giữa GDP thực tế và lãi suất mà tại đó cầu tiền cân bằng với cung tiền được gọi là:
 - A. Đường IS.
 - B. Đường cầu tiền.
 - C. Đường cầu đầu tư.
 - D. Đường LM
2. Trong mô hình IS-LM, chính sách tài khoá mở rộng được thể hiện bằng:
 - A. Sự dịch chuyển sang phải của đường IS.
 - B. Sự dịch chuyển sang trái của đường IS.
 - C. Sự dịch chuyển sang phải của đường LM.
 - D. Sự dịch chuyển sang trái của đường LM.
 - E. Đường IS dịch sang phải, sau đó đường LM cũng dịch chuyển sang trái.
3. Trong mô hình IS-LM, chính sách tiền tệ thắt chặt được thể hiện bằng:
 - A. Sự dịch chuyển sang phải của đường IS.
 - B. Sự dịch chuyển sang trái của đường IS.
 - C. Sự dịch chuyển sang phải của đường LM.
 - D. Sự dịch chuyển sang trái của đường LM.
 - E. Đường LM dịch sang trái, sau đó đường IS cũng dịch chuyển sang trái.
4. Sự thay đổi nào dưới đây sẽ làm thay đổi độ dốc của đường IS:
 - A. Thuế suất.
 - B. MPS.
 - C. Sự nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất. (h)
 - D. Tất cả các câu trên.
 - E. A và B
5. Giả sử đầu tư trở nên nhạy cảm hơn với sự thay đổi của lãi suất, khi đó:
 - A. Số nhân chi tiêu sẽ tăng
 - B. Đường IS sẽ dịch chuyển song song sang trái.
 - C. Đường IS sẽ dịch chuyển song song sang phải.
 - D. Đường IS sẽ trở nên dốc hơn.
 - E. Đường IS sẽ trở nên thoải hơn.
6. Với các đường IS và LM có độ dốc thông thường, chính sách tài khoá thắt chặt sẽ:
 - A. Dịch chuyển đường IS sang phải.
 - B. Làm tăng lãi suất và giảm thu nhập.
 - C. Dịch chuyển đường LM sang trái.
 - D. Làm giảm thu nhập và lãi suất.
 - E. Làm giảm đầu tư do có ảnh hưởng lẫn át.
7. Sự thay đổi của yếu tố nào dưới đây sẽ không làm thay đổi vị trí của đường IS:
 - A. Chi tiêu chính phủ.
 - B. Thuế.
 - C. Lãi suất.
 - D. Niềm tin của các doanh nghiệp và người tiêu dùng về tương lai.
 - E. Tiêu dùng tự định.
8. Tăng thuế suất đánh vào thu nhập của các hộ gia đình sẽ:
 - A. Làm giảm thu nhập và lãi suất.
 - B. Tăng mức đầu tư, nhưng giảm tiêu dùng.
 - C. Giảm số nhân chi tiêu, làm đường IS dốc hơn.

- D. Tất cả các điều trên.
E. Không phải các điều trên.
9. Giả sử nền kinh tế đang nằm phía trên và bên trái đường LM:
A. Có một sự sai sót vì mọi tổ hợp của lãi suất và thu nhập phải nằm trên đường LM.
B. Lãi suất sẽ tăng vì có sự dư cung về tiền.
C. Lãi suất sẽ giảm vì có sự dư cung về tiền.
D. Lãi suất sẽ giảm vì có sự dư cầu về tiền.
E. Lãi suất sẽ tăng vì có sự dư cầu về tiền.
10. Tại các điểm nằm phía trên và bên phải của đường IS, điều nào dưới đây là đúng?
A. Tổng cầu lớn hơn sản lượng thực tế, do đó có sự dư cung về hàng hoá.
B. Tổng cầu lớn hơn sản lượng thực tế, do đó có sự dư cầu về hàng hoá.
C. Sản lượng thực tế lớn hơn tổng cầu, do đó có sự dư cung về hàng hoá.
D. Sản lượng thực tế lớn hơn tổng cầu, do đó có sự dư cầu về hàng hoá.
E. Không tồn tại các điểm như vậy.
11. Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ thắt chặt là làm giảm sản lượng, đồng thời:
A. Làm giảm lãi suất và giảm đầu tư.
B. Làm giảm lãi suất và tăng đầu tư.
C. Làm tăng lãi suất và giảm đầu tư.
D. Làm tăng lãi suất và tăng đầu tư.
12. Giả sử chính phủ giảm chi tiêu. Trong mô hình IS-LM, điều này sẽ gây ra:
A. Giảm tiêu dùng.
B. Tăng đầu tư.
C. Giảm lãi suất.
D. Tất cả các điều trên.
E. Chỉ B và C.
13. Quá trình nào sau đây mô tả những ảnh hưởng của chính sách tài khoá mở rộng?
A. Tổng chi tiêu tăng, GDP thực tế tăng, cầu tiền tăng, lãi suất giảm, GDP thực tế tiếp tục được mở rộng.
B. Tổng chi tiêu tăng, GDP thực tế tăng, cung tiền tăng, lãi suất giảm, GDP thực tế tiếp tục được mở rộng.
C. Tổng chi tiêu giảm, GDP thực tế tăng, cầu tiền tăng, lãi suất giảm, GDP tiếp tục được mở rộng.
D. Tổng chi tiêu tăng, GDP thực tế giảm, cầu tiền tăng, lãi suất giảm và do đó GDP tăng lên để bù đắp một phần cho sự suy giảm ban đầu.
E. Tổng chi tiêu tăng, GDP thực tế tăng, cầu tiền tăng, lãi suất tăng, làm giảm ảnh hưởng mở rộng ban đầu của chính sách tài khoá.
14. Khi công chúng quyết định chuyển một phần thanh toán bằng tiền mặt sang sử dụng séc cá nhân sẽ có sự:
A. Di chuyển trên cả đường IS và LM.
B. Di chuyển trên đường LM.
C. Dịch chuyển đường LM sang phải.
D. Dịch chuyển đường LM sang trái.
E. Đường LM không thay đổi vị trí, nhưng đường IS dịch chuyển.
15. Kết quả cuối cùng của sự thay đổi chính sách của chính phủ là lãi suất tăng, tiêu dùng tăng, và đầu tư giảm. Đó là do kết quả của việc áp dụng:
A. Chính sách tiền tệ mở rộng.
B. Chính sách tiền tệ chặt.
C. Chính sách tài khoá chặt.

- D. Chính sách tài khoá mở rộng.
E. Không phải các chính sách trên.
16. Trong mô hình IS-LM, nếu chi tiêu chính phủ và thuế tăng cùng một lượng như nhau, thì:
A. Thu nhập cũng tăng một lượng tương ứng.
B. Thu nhập sẽ giữ nguyên vì đường IS không thay đổi vị trí.
C. Thu nhập sẽ chỉ tăng nếu ngân hàng trung ương cũng tăng cung tiền.
D. Cả thu nhập và lãi suất cùng tăng.
E. Không phải các câu trên.
17. Nếu ngân hàng trung ương giảm cung tiền và chính phủ muốn duy trì tổng cầu ở mức ban đầu, chính phủ cần:
A. Giảm chi tiêu chính phủ.
B. Giảm thuế.
C. Yêu cầu ngân hàng trung ương bán trái phiếu trên thị trường mở.
D. Tăng thuế.
E. Giảm cả thuế và chi tiêu chính phủ.
18. Khi chính phủ tăng chi tiêu và giảm cung tiền chúng ta có thể dự tính:
A. Tổng cầu tăng nhưng lãi suất không thay đổi.
B. Tổng cầu và lãi suất đều tăng.
C. Lãi suất tăng, nhưng tổng cầu có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi.
D. Cả lãi suất và tổng cầu đều giảm.
E. Tổng cầu sẽ tăng và tổng cung sẽ giảm.
19. Khi chính phủ tăng thuế và giảm cung tiền chúng ta có thể dự tính:
A. Tổng cầu tăng nhưng lãi suất không thay đổi.
B. Tổng cầu và lãi suất đều tăng.
C. Lãi suất giảm, nhưng tổng cầu có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi.
D. Cả lãi suất và tổng cầu đều giảm.
E. Tổng cầu giảm, nhưng lãi suất có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi.
20. Giả sử chính phủ muốn kích thích đầu tư nhưng hầu như không làm thay đổi thu nhập. Theo bạn chính phủ cần sử dụng chính sách nào?
A. Giảm thuế thu nhập đi kèm với chính sách tiền tệ mở rộng.
B. Trợ cấp đầu tư đi kèm với chính sách tiền tệ mở rộng.
C. Giảm chi tiêu chính phủ kèm với chính sách tiền tệ mở rộng.
D. Giảm thuế đi kèm với chính sách tiền tệ thắt chặt.
E. Trợ cấp đầu tư.
21. Giả sử đầu tư hoàn toàn không nhạy cảm với lãi suất. khi đó:
A. Chính sách tài khoá sẽ hoàn toàn không có hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu.
B. Chính sách tài khoá sẽ rất hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu.
C. Lãi suất không thể giảm bởi chính sách tài khoá hoặc chính sách tiền tệ.
D. Nền kinh tế không thể được kích thích bằng chính sách tài khoá hoặc chính sách tiền tệ.
E. Không phải các câu trên.
22. Hiện tượng lấn át
A. Sẽ là hoàn toàn (100%) nếu đường LM thẳng đứng
B. Được gây ra bởi sự gia tăng lãi suất khi tăng chi tiêu chính phủ.
C. Sẽ không xảy ra nếu đường LM nằm ngang.
D. Tất cả các câu trên.
E. Không phải các câu trên.
23. Chính sách tiền tệ có hiệu quả hơn khi:

- A. Lãi suất nhạy cảm hơn với đầu tư.
 - B. Cầu tiền ít nhạy cảm với sự thay đổi của lãi suất.
 - C. MPC lớn hơn.
 - D. Tất cả các câu trên.
 - E. Không phải các điều ở trên.
24. Chính sách tiền tệ kém hiệu quả hơn trong việc điều tiết tổng cầu khi độ nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất:
- A. Lớn và đầu tư rất nhạy cảm với lãi suất.
 - B. Lớn và đầu tư ít nhạy cảm với lãi suất.
 - C. Nhỏ và đầu tư ít nhạy cảm với lãi suất.
 - D. Nhỏ và đầu tư ít nhạy cảm với lãi suất.
 - E. Không phải những điều ở trên.
25. Giả sử một nền kinh tế có cầu tiền thực tế rất nhạy cảm với lãi suất, và cầu đầu tư cũng rất nhạy cảm với lãi suất. Trong nền kinh tế đó:
- A. Chính sách tài khoá không có hiệu quả vì nó gây ra tháo lui đầu tư rất lớn.
 - B. Thay đổi lãi suất chỉ gây ra sự thay đổi rất nhỏ của cầu đầu tư.
 - C. Tăng chi tiêu chính phủ sẽ ảnh hưởng mạnh đến lãi suất.
 - D. Tăng chi tiêu chính phủ sẽ làm lãi suất thay đổi ít, nhưng gây ra thoái lui đầu tư lớn.
26. Tổng cầu có thể tăng do tăng cung tiền hoặc tăng chi tiêu chính phủ. Điều nào dưới đây sẽ là một sự so sánh đúng hai chính sách trên?
- A. Lãi suất sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khoá, trong khi tiêu dùng sẽ tăng lên trong cả hai trường hợp.
 - B. Lãi suất sẽ giảm khi sử dụng chính sách tiền tệ và tăng khi sử dụng chính sách tài khoá, trong khi tiêu dùng sẽ tăng lên trong cả hai trường hợp.
 - C. Tiêu dùng sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khoá, trong khi lãi suất sẽ tăng lên trong cả hai trường hợp.
 - D. Tiêu dùng sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khoá, trong khi lãi suất sẽ giảm trong cả hai trường hợp.
 - E. Tiêu dùng sẽ giảm, trong khi lãi suất sẽ tăng trong cả hai trường hợp.
27. Với các yếu tố khác không đổi, giả sử các bạn hàng thương mại của Việt Nam đang đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao thì điều nào sau đây có thể xảy ra:
- A. Xuất khẩu của Việt Nam giảm.
 - B. Xuất khẩu Việt Nam tăng làm đồng nội tệ giảm giá.
 - C. Xuất khẩu của Việt Nam tăng làm đồng nội tệ lên giá.
 - D. Nhập khẩu của Việt Nam giảm.
 - E. Nhập khẩu của Việt Nam tăng.
28. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở với tỷ giá thả nổi, khi chính phủ tăng chi tiêu, thì ban đầu lãi suất có xu hướng tăng và do đó:
- A. Lấn át đầu tư một khối lượng đúng bằng sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
 - B. Lấn át một phần đầu tư tư nhân, nhưng đầu tư giảm ít hơn sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
 - C. Thu hút vốn nước ngoài, đồng nội tệ lên giá, làm giảm xuất khẩu ròng một lượng ít hơn sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
 - D. Thu hút vốn nước ngoài, đồng nội tệ lên giá, làm giảm xuất khẩu ròng một lượng đúng bằng sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
29. Nếu ngân hàng trung ương tìm cách tăng cung tiền trong hệ thống tỷ giá hối đoái cố định, thì:
- A. Đường LM ban đầu dịch chuyển sang phải, sau đó lại dịch chuyển sang trái trở về vị trí ban đầu.

- B. Cung tiền sẽ tự động trở lại mức ban đầu nếu ngân hàng trung ương can thiệp để duy trì mức tỷ giá đã công bố.
 C. Thu nhập quốc dân sẽ không bị ảnh hưởng.
 D. Tất cả câu trên là đúng.
30. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, khi chính phủ tăng chi tiêu 50, thì với mỗi mức lãi suất cho trước đường IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng
 A. 50 B. 100 C. 200 D. 250 E. Không phải các giá trị trên
- Bảng 1.
 Tiêu dùng $C = 90 + 0.8(Y - T)$. Cầu tiền thực tế $MD = 0,1Y$
 Đầu tư $I = 140 - 5r$ Cung tiền danh nghĩa $MS = 100$
 Chi tiêu chính phủ $G = 50$ Giá $P = 2$.
 Thuế ròng $T = 50$.
31. Xét một nền kinh tế trong bảng 1. Với số nhân tiền là 2, muốn sản lượng cân bằng tăng 500 thì ngân hàng trung ương cần mua một lượng trái phiếu chính phủ có giá trị:
 A. 10 B. 20 C. 25 D. 50 E. Không phải các giá trị trên
32. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, tại trạng thái cân bằng, mức lãi suất và sản lượng lần lượt là:
 A. 8 và 1000 B. 28 và 500
 C. 14 và 850 D. 10 và 950
33. Kết quả cuối cùng của sự thay đổi chính sách của chính phủ là lãi suất tăng, tiêu dùng tăng, và đầu tư giảm. Đó là kết quả của việc áp dụng:
 A. Chính sách tài khoản chặt. B. Chính sách tài khoá mở rộng
 C. Chính sách tiền tệ chặt D. Chính sách tiền tệ mở rộng
 E. Không phải các chính sách trên.
34. Nếu tỷ giá của đồng nội tệ trên thị trường đang ở mức cao hơn mức được cố định bởi ngân hàng trung ương, các nhà đầu cơ có thể kiếm lời bằng cách:
 A. Mua ngoại tệ trên thị trường ngoại hối và bán chúng cho ngân hàng trung ương.
 B. Mua ngoại tệ từ ngân hàng trung ương và bán chúng trên thị trường ngoại hối.
 C. Mua nội tệ trên thị trường ngoại hối và bán chúng cho ngân hàng trung ương.
 D. Không phải các điều kể trên.
35. Hành động kiếm lời được mô tả trong câu hỏi 34 sẽ làm cung tiền trong nước:
 A. Tăng và dịch chuyển đường LM sang trái
 B. Tăng và dịch chuyển đường LM sang phải
 C. Giảm và dịch chuyển đường LM sang trái
 D. Giảm và dịch chuyển đường LM sang phải
36. Nếu giá của đồng đô la Mỹ (ngoại tệ) trên thị trường cao hơn mức được cố định bởi ngân hàng trung ương, các nhà đầu cơ có thể kiếm lời bằng cách:
 A. Mua nội tệ từ ngân hàng trung ương và bán chúng trên thị trường ngoại hối.
 B. Mua nội tệ trên thị trường ngoại hối và bán chúng cho ngân hàng trung ương.
 C. Mua ngoại tệ từ ngân hàng trung ương và bán chúng trên thị trường ngoại hối.
 D. Cả B và C đúng.
37. Hành động kiếm lời được mô tả trong câu hỏi 36 sẽ làm cung tiền trong nước.
 A. Giảm, do đó dịch chuyển đường LM sang phải.
 B. Giảm, do đó dịch chuyển đường LM sang trái
 C. Tăng, do đó dịch chuyển đường LM sang phải
 D. Tăng, do đó dịch chuyển đường LM sang trái
38. Nếu hàm cầu tiền có dạng: $MD = 0,5 \cdot Y - 100i$, khi cung tiền thực tế tăng 100, với mỗi mức lãi suất cho trước đường LM sẽ dịch chuyển:
 A. Sang phải một lượng là 100

- B. Sang phải một lượng là 200
 C. Sang trái một lượng là 100
 D. Sang trái một lượng là 200
39. Theo mô hình IS-LM, nếu chính phủ tăng thuế, nhưng ngân hàng trung ương muốn giữ thu nhập không thay đổi, thì ngân hàng trung ương cần.
 A. Đầu tiên giảm và sau đó lại tăng cung tiền
 B. Đầu tiên tăng và sau đó lại giảm cung tiền
 C. Giảm cung tiền
 D. Tăng cung tiền
40. Nếu hàm đầu tư có dạng: $I = c - d.i$ và hàm cầu tiền thực tế có dạng: $MD = \alpha.Y - \beta.i$, thì chính sách tài khoá sẽ tương đối hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu khi d:
 A. Lớn và β nhỏ
 B. Nhỏ và β lớn.
 C. Và β lớn
 D. Và β nhỏ.
41. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá thả nổi, nếu ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ trên thị trường mở, tại trạng thái cân bằng ngắn hạn mới:
 A. Thu nhập giảm và tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tăng.
 B. Thu nhập không thay đổi, nhưng tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tăng.
 C. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ giảm và thu nhập tăng.
 D. Tỷ giá hối đoái không thay đổi, nhưng thu nhập giảm.
42. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá cố định, nếu ngân hàng trung ương phá giá đồng nội tệ, thì tại trạng thái cân bằng ngắn hạn mới:
 A. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ giảm và đường LM dịch chuyển sang trái; ảnh hưởng của nó giống như giảm cung tiền trong hệ thống tỷ giá thả nổi.
 B. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ giảm và đường LM dịch chuyển sang trái; ảnh hưởng của nó giống như tăng cung tiền trong hệ thống tỷ giá thả nổi.
 C. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tăng và đường LM dịch chuyển sang trái; ảnh hưởng của nó giống như giảm cung tiền trong hệ thống tỷ giá thả nổi.
 D. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tăng và đường LM dịch chuyển sang phải; ảnh hưởng của nó giống như giảm cung tiền trong hệ thống tỷ giá thả nổi.
43. Với một nền kinh tế nhỏ, mở cửa:
 A. Trong cả hệ thống tỷ giá thả nổi và cố định, việc mở rộng cung tiền làm tăng thu nhập, trong khi việc mở rộng tài khoá thì không.
 B. Trong cả hệ thống tỷ giá thả nổi và cố định, việc mở rộng tài khoá làm tăng thu nhập, trong khi việc mở rộng tiền tệ thì không.
 C. Trong hệ thống tỷ giá thả nổi, việc mở rộng cung tiền làm tăng thu nhập, trong khi việc mở rộng tài khoá thì không, trong khi trong hệ thống tỷ giá cố định, việc mở rộng tài khoá làm tăng thu nhập, còn việc mở rộng tiền tệ thì không.
 D. Trong hệ thống tỷ giá thả nổi, việc mở rộng tài khoá làm tăng thu nhập, trong khi việc mở rộng tiền tệ thì không, trong khi trong hệ thống tỷ giá cố định, việc mở rộng tiền tệ làm tăng thu nhập, còn việc mở rộng tài khoá thì không.

Bảng 1.

Tiêu dùng $C = 200 + 0.8 YD$

Cầu tiền thực tế $MD = Y - 100$

Đầu tư $I = 200 - 25r$

Cung tiền thực tế $MS = 100$

Chi tiêu chính phủ $G = 100$

Thuế ròng $T = 100$.

44. Trong bảng 1, muốn thu nhập tăng 100, chi tiêu chính phủ cần tăng bao nhiêu?

A. 50 B. 100 C. 150 D. 200

E. không phải các kết quả trên.

45. Nếu đầu tư của nền kinh tế trong bảng 1 trở nên không nhạy cảm với lãi suất, đường IS sẽ _____; và khi chi tiêu chính phủ tăng 1, thì mức sản lượng cân bằng tăng là _____

A. Tăng đúng; 0

B. Tăng đúng; 4

C. Nằm ngang; 4

D. Nằm ngang; 0

E. Không phải các câu trả lời trên.

45. NHTW mua một triệu đồng trái phiếu chính phủ. Với những điều kiện khác không đổi, tổng dự trữ của các NHTM sẽ không tăng nếu chỉ tiêu nào dưới đây tăng thêm 1 triệu.

a. Dự trữ vàng của NHTW

b. Tiền mà các ngân hàng tư nhân vay

c. Dự trữ dự thừa

d. Tiền mặt trong tay công chúng ngoài ngân hàng.

46. Trên thị trường trao đổi giữa đồng Việt Nam và đôla Mỹ, việc người tiêu dùng Việt Nam ưa thích hàng hóa của Mỹ hơn sẽ:

a. Làm dịch chuyển đường cầu về đôla Mỹ sang phải và làm tăng giá trị của đồng đôla*

b. Làm dịch chuyển đường cầu về đôla Mỹ sang trái và làm giảm giá trị của đồng đôla

c. Làm dịch chuyển đường cung về đôla Mỹ sang phải và làm giảm giá trị của đồng đôla

d. Làm dịch chuyển đường cung về đôla Mỹ sang trái và làm tăng giá trị của đồng đôla

47. Điều nào dưới đây sẽ làm dịch chuyển đường cung về ngoại tệ trên thị trường ngoại hối sang phải

a. Các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nhiều vào thị trường chứng khoán Việt Nam*

b. Cầu về hàng hóa nước ngoài của dân cư trong nước tăng lên

c. Cầu về hàng hóa trong nước của người nước ngoài giảm

d. Ngân sách chính phủ thâm hụt

48. Trên thị trường ngoại hối, sự gia tăng nhập khẩu từ nước ngoài, người Việt Nam đi du lịch nước ngoài, dòng vốn chảy ra nước ngoài nhiều hơn làm:

a. Tăng cung ngoại tệ c. Giảm giá đồng Việt Nam

☒ e. Câu b và c đúng

b. Tăng cầu về ngoại tệ d. Tăng giá đồng Việt Nam

49. Điều nào dưới đây mô tả thị trường trao đổi giữa đôla Mỹ và tiền đồng Việt Nam là đúng

a. Cầu về đồng Việt Nam bắt nguồn từ cầu về hàng Việt Nam của các nhà nhập khẩu nước ngoài

b. Cung về đồng Việt Nam bắt nguồn từ xuất khẩu của nước ngoài vào thị trường Việt Nam

c. Cung về đồng Việt Nam bắt nguồn từ cầu của Việt Nam về hàng nhập khẩu

d. Tất cả các câu trên đều đúng

50. Nếu lãi suất chiết khấu thấp hơn nhiều so với lãi suất thị trường, khi đó

a. Các ngân hàng chủ yếu vay từ NHTW chứ không vay từ các nguồn khác

b. Khối lượng tiền mặt đường như tăng lên

c. Số nhân tiền tăng lên

d. Tất cả các câu trên đều đúng

e. Tất cả các câu trên đều sai

51. Giả sử chính phủ đang cân nhắc hai phương án giảm thuế (tạm thời và lâu dài). Cả hai phương án đều giảm thuế một khối lượng như nhau trong năm thứ nhất. Theo giả thuyết thu nhập thường xuyên:

a. Giảm thuế tạm thời sẽ làm tăng tiêu dùng nhiều hơn trong năm thứ nhất

b. Giảm thuế tạm thời sẽ hoàn toàn không làm thay đổi tiêu dùng trong năm thứ nhất

c. Giảm thuế lâu dài sẽ làm tăng tiêu dùng nhiều hơn trong năm thứ nhất

d. Cả hai phương án đều ảnh hưởng giống nhau đến mức tiêu dùng trong năm thứ nhất.

52. Trong mô hình hai thời kỳ của Fisher, giả sử ban đầu người tiêu dùng đi vay. Khi lãi suất tăng:
- Tiêu dùng trong thời kỳ thứ nhất nhất định giảm
 - Tiêu dùng trong thời kỳ thứ nhất nhất định tăng
 - Tiết kiệm trong thời kỳ thứ nhất có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi
 - Tiết kiệm trong thời kỳ thứ nhất nhất định tăng
53. Trong mô hình hai thời kỳ về tiêu dùng, nếu $Q_1 = 20000$, $Q_2 = 15000$, và lãi suất là 50%, thì mức tiêu dùng tối đa có thể ở thời kỳ 1 là
- 35000
 - 25000
 - 20000
 - 30000
54. Nếu một nền kinh tế ở trạng thái dừng trong điều kiện không có sự gia tăng dân số và tiến bộ công nghệ, sản phẩm cận biên của tư bản nhỏ hơn tỷ lệ khấu hao:
- Mức tiêu dùng bình quân một công nhân ở trạng thái dừng sẽ cao hơn so với trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm thấp hơn
 - Mức tiêu dùng bình quân một công nhân ở trạng thái dừng sẽ cao hơn so với trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn
 - Nền kinh tế nằm ở trạng thái vàng
 - Tỷ lệ khấu hao cần giảm để đạt trạng thái vàng
55. Trong mô hình hai thời kỳ của Fisher, giả sử ban đầu người tiêu dùng có tiết kiệm. Khi lãi suất tăng:
- Tiêu dùng trong thời kỳ thứ nhất nhất định giảm
 - Tiêu dùng trong thời kỳ thứ nhất nhất định tăng
 - Tiết kiệm trong thời kỳ thứ nhất có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi
 - Tiết kiệm trong thời kỳ thứ nhất nhất định tăng
56. Theo lý thuyết thu nhập, một cá nhân có thu nhập thường xuyên biến động mạnh từ năm này qua năm khác sẽ:
- Có tỷ lệ tiêu dùng (C/YD) cao khi thu nhập cao và tỷ lệ tiêu dùng thấp khi thu nhập thấp
 - Có tỷ lệ tiêu dùng thấp khi thu nhập cao và tỷ lệ tiêu dùng cao khi thu nhập thấp
 - Phải chú ý nhiều hơn đến thu nhập tạm thời so với thu nhập lâu dài khi quyết định tiêu dùng
 - Thường xuyên có tỷ lệ tiêu dùng cao
 - Thường xuyên có tỷ lệ tiêu dùng thấp
57. Nếu một nền kinh tế ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm thấp hơn mức ở trạng thái vàng, trong điều kiện không có sự gia tăng dân số và tiến bộ công nghệ
- Ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn sẽ có mức sản lượng, khấu hao và tiêu dùng bình quân đầu người lớn hơn.
 - Ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn sẽ có mức sản lượng và khấu hao bình quân đầu người cao hơn, nhưng mức tiêu dùng bình quân đầu người sẽ thấp hơn
 - Ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn sẽ có mức sản lượng bình quân đầu người cao hơn, nhưng mức khấu hao bình quân đầu người sẽ thấp hơn
 - Ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn sẽ có mức sản lượng bình quân đầu người thấp hơn, nhưng mức khấu hao bình quân đầu người sẽ cao hơn

Bảng 1: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của một nền kinh tế đóng đọc mô tả nh sau:

Tiêu dùng: $C = 90 + 0,8(Y - T)$

Đầu tư: $I = 140 - 5i$

Chi tiêu chính phủ: $G = 50$

Thuế ròng: $T = 50$

Cầu tiền thực tế: $MD = 0,1Y$

Cung tiền danh nghĩa: $M^s = 100$

Mức giá: $P = 2$

58. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, khi chính phủ tăng chi tiêu 50, thì mỗi mức lãi suất cho trước đường IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng:

- A. 50 B. 100 C. 200 D. 250 E. không phải các giá trị trên

59. Xét một nền kinh tế trong bảng 1. Với số nhân tiền là 4, muốn sản lượng cân bằng tăng 500 thì NHTW cần mua một lượng trái phiếu chính phủ có giá trị:

- A. 10 B. 20 C. 25 D. 30 E. không phải các giá trị trên

60. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, tại trạng thái cân bằng, mức lãi suất và sản lượng lần là:

- A. 8 và 100 B. 28 và 500 C. 14 và 850 D. 10 và 950

61. Trong mô hình IS-LM khi chính phủ tăng thuế thu nhập, ở trạng thái cân bằng ngắn hạn, đầu tư có xu hướng:

- A. Giảm và sản lượng giảm B. Giảm và sản lượng tăng
C. Tăng và sản lượng giảm D. Tăng và sản lượng tăng

62. Với các nhân tố khác không đổi, sự thay đổi nhất định của chi tiêu chính phủ có ảnh hưởng nhỏ hơn đến tổng cầu khi:

- A. Đầu tư nhạy cảm hơn với lãi suất B. Đầu tư ít nhạy cảm hơn với lãi suất
C. Cầu tiền nhạy cảm ít hơn với lãi suất D. Cầu tiền ít nhạy cảm hơn với thu nhập
E. A và C đúng

63. Nếu xu hướng tiêu dùng cận biên là 0,75 và thuế độc lập với thu nhập, khi chính phủ giảm thuế 100, với mỗi mức lãi suất cho trước đường IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng:

- A. 100 B. 200 C. 300 D. 400

64. Theo mô hình IS-LM, nếu chính phủ tăng thuế, nhưng NHTW muốn giữ đầu tư không đổi, thì NHTW cần:

- A. Đầu tiên giảm và sau đó lại tăng cung tiền B. Đầu tiên tăng và sau đó lại giảm cung tiền
C. Giảm cung tiền D. Tăng cung tiền

54 = 65. Nếu một nền kinh tế ở trạng thái dừng trong điều kiện không có sự gia tăng dân số và tiến bộ công nghệ và sản phẩm cận biên của tư bản nhỏ hơn tỷ lệ khấu hao:

- A. Mức tiêu dùng bình quân một công nhân ở trạng thái dừng sẽ cao hơn so với ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm thấp hơn.
B. Mức tiêu dùng bình quân một công nhân ở trạng thái dừng sẽ cao hơn so với ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn.
C. Nền kinh tế nằm ở trạng thái vàng
D. Tỷ lệ khấu hao cần giảm để đạt trạng thái vàng

Bảng 1: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của một nền kinh tế đóng được mô tả như sau

Tiêu dùng: $C = 90 + 0,8(Y - T)$

Cầu tiền thực tế: $MD = 0,1Y$

Đầu tư: $I = 140 - 5i$

Cung tiền danh nghĩa: $M^s = 100$

Chi tiêu chính phủ: $G = 50$

Mức giá: $P = 2$

Thuế ròng: $T = 50$

66. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, khi chính phủ tăng chi tiêu 50, thì mỗi mức lãi suất cho trước đường IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng:

- A. 50 B. 100 C. 200 D. 250* E. không phải các giá trị trên

67. Xét một nền kinh tế trong bảng 1. Với số nhân tiền là 4, muốn sản lượng cân bằng tăng 500 thì ngân hàng trung ương cần mua một lượng trái phiếu chính phủ có giá trị:

A. 10 B. 20 C. 25 D. 30 E. không phải các giá trị trên

68. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, tại trạng thái cân bằng, mức lãi suất và sản lượng lần lượt là:

A. 8 và 100 B. 28 và 500 C. 14 và 850 D. 10 và 950

69. Trong mô hình IS-LM khi chính phủ tăng thuế thu nhập, ở trạng thái cân bằng ngắn hạn, đầu tư có xu hướng:

A. Giảm và sản lượng giảm B. Giảm và sản lượng tăng
C. Tăng và sản lượng giảm D. Tăng và sản lượng tăng

70. Với các nhân tố khác không đổi, sự thay đổi nhất định của chỉ tiêu chính phủ có ảnh hưởng nhỏ hơn đến tổng cầu khi:

A. Đầu tư nhạy cảm hơn với lãi suất B. Đầu tư ít nhạy cảm hơn với lãi suất
C. Cầu tiền nhạy cảm ít hơn với lãi suất D. Cầu tiền ít nhạy cảm hơn với thu nhập
E. A và C đúng

71. Nếu xu hướng tiêu dùng cận biên là 0,75 và thuế độc lập với thu nhập, khi chính phủ giảm thuế 100, với mỗi mức lãi suất cho trước đường IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng:

A. 100 B. 200 C. 300 D. 400

72. Theo mô hình IS-LM, nếu chính phủ tăng thuế, nhưng ngân hàng trung ương muốn giữ đầu tư không đổi, thì ngân hàng trung ương cần:

A. Đầu tiên giảm và sau đó lại tăng cung tiền B. Đầu tiên tăng và sau đó lại giảm cung tiền
C. Giảm cung tiền D. Tăng cung tiền

73. Trong một nền kinh tế nhỏ, tỷ giá thả nổi, chính sách tài khóa không có hiệu quả trong việc thay đổi sản lượng bởi vì:

A. Chính sách tiền tệ sẽ triệt tiêu hoàn toàn ảnh hưởng của chính sách tài khóa
B. Tỷ giá không đổi
C. Xuất khẩu ròng sẽ thay đổi để triệt tiêu hoàn toàn ảnh hưởng ban đầu của chính sách tài khóa đến tổng cầu
D. Giá ngoại tệ sẽ thay đổi cùng chiều với lãi suất.

74. Nếu NHTW tìm cách tăng cung tiền trong hệ thống tỷ giá hối đoái cố định thì:

A. Thu nhập quốc dân sẽ không bị ảnh hưởng
B. Cung tiền sẽ tự động trở lại mức ban đầu nếu NHTW can thiệp để duy trì mức tỷ giá đã công bố.
C. Đường LM ban đầu dịch chuyển sang phải, sau đó lại dịch sang trái trở về vị trí ban đầu.
D. Tất cả các câu trên đều đúng

75. Sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp trở nên có lợi khi

A. Người dân tin tưởng vào sự thành công của chính sách kiềm chế lạm phát
B. Chính phủ giảm thuế cho các đầu vào nhập khẩu
C. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên tăng
D. Tất cả các câu trên
E. Câu a và b

76. Trong mô hình Solow giả thiết

A. Tổng đầu tư chiếm một tỷ lệ cố định so với thu nhập
B. Nếu thu nhập cố định, thì tổng đầu tư sẽ bằng không
C. Khấu hao luôn lớn hơn đầu tư ròng
D. Khấu hao luôn nhỏ hơn đầu tư ròng

77. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá thả nổi, khi chính phủ tăng chi tiêu, thì ban đầu lãi suất có xu hướng tăng và do đó:

- A. Lấn át một phẩm đầu tư tư nhân, nhưng đầu tư giảm ít hơn sự gia tăng chi tiêu chính phủ
- B. Lấn át đầu tư một khối lượng đúng bằng sự gia tăng chi tiêu chính phủ
- C. Thu hút vốn nước ngoài, đồng nội tệ lên giá, làm giảm xuất khẩu ròng một lượng ít hơn sự gia tăng chi tiêu chính phủ
- D. Thu hút vốn nước ngoài, đồng nội tệ lên giá, làm giảm xuất khẩu ròng một lượng đúng bằng sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
78. Theo mô hình Solow, nếu một nền kinh tế ở trạng thái dừng với lực lượng lao động và công nghệ thay đổi trong đó tư bản đang ở mức thấp hơn so với trạng thái vàng :
- A. Các nhà hoạch định chính sách cần làm mọi biện pháp có thể để tăng tỷ lệ tiết kiệm
- B. Nếu tăng tỷ lệ tiết kiệm, sản lượng trên một lao động sẽ tăng cả trong ngắn hạn và dài hạn
- C. Nếu tăng tỷ lệ tiết kiệm, sản lượng trên một lao động sẽ giảm và sau đó tăng cao hơn mức ban đầu, trong khi tiêu dùng sẽ tăng cả trong ngắn hạn và dài hạn
- D. Nếu tăng tỷ lệ tiết kiệm, sản lượng trên một lao động sẽ tăng, trong khi tiêu dùng ban đầu sẽ giảm và sau đó sẽ tăng lên cao hơn mức ban đầu
79. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá thả nổi. Nếu các đường IS và LM cắt nhau tại mức lãi suất trong nước thấp hơn mức lãi suất thế giới, các nhà đầu cơ sẽ chuyển tiền;
- A. Ra nước ngoài để mua tài sản nước ngoài, làm đồng nội tệ tăng giá và dịch chuyển đường IS sang trái
- B. Ra nước ngoài để mua tài sản nước ngoài, làm đồng nội tệ giảm giá và dịch chuyển đường IS sang phải
- C. Từ nước ngoài vào để mua tài sản trong nước, làm đồng nội tệ giảm giá và dịch chuyển đường IS sang phải
- D. Từ nước ngoài vào để mua tài sản trong nước, làm đồng nội tệ giảm giá và dịch chuyển đường IS sang trái
80. Xét một nền kinh tế không có tăng trưởng lao động và thay đổi công nghệ. Theo mô hình Solow, nếu tỷ lệ tiết kiệm tăng thì:
- A. Nền kinh tế sẽ liên tục tăng trưởng nhanh hơn
- B. Tỷ lệ tư bản so với lao động sẽ liên tục tăng
- C. Nền kinh tế sẽ liên tục tăng trưởng cho đến khi đạt trạng thái dừng mới
- D. tỷ lệ tư bản so với lao động cuối cùng sẽ giảm
81. Ràng buộc ngân sách của các hộ gia đình trong mô hình hai thời kỳ có thể viết như sau;
- A. $C_1 + C_2 = Yd_1 + Yd_2$
- B. $C_1 + C_2/(1+r) = Yd_1 + Yd_2$
- C. $C_2 + C_1(1+r) = Yd_2 + Yd_1(1+r)$
- D. $C_2 + C_1/(1+r) = Yd_2 + Yd_1/(1+r)$
- E. Cả b và c đúng
82. Keynes cho rằng
- A. Người dân sẽ tiết kiệm nhiều hơn khi lãi suất cao
- B. Người dân sẽ tiêu dùng và tiết kiệm nhiều hơn khi lãi suất cao
- C. Người dân sẽ tiêu nhiều hơn khi lãi suất cao
- D. Lãi suất ít ảnh hưởng đến tiêu dùng

78) D.

79))

80) C